

ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC TRONG KỶ NGUYÊN MỚI HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN MINH*

Trong các vấn đề dân tộc ở quốc gia đa tộc người thì đoàn kết dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc luôn có vị trí then chốt trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, trong đó cốt lõi của khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở một quốc gia đa tộc người chính là quan hệ của các tộc người với nhau, nhất là giữa các tộc người thiểu số với tộc người đa số, và giữa các tộc người với cộng đồng quốc gia - dân tộc. Bởi vì, nếu các mối quan hệ này tốt đẹp thì đất nước sẽ ổn định và phát triển, ngược lại, nếu nảy sinh bất đồng, mâu thuẫn sẽ gây mất đoàn kết dân tộc. Chính vì vậy, chiến lược xuyên suốt và cốt lõi trong thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta kể từ khi thành lập đến nay luôn bảo đảm nguyên tắc các dân tộc phát triển bình đẳng, tăng cường quan hệ tốt đẹp giữa người dân của các tộc người với nhau và với cộng đồng quốc gia, thực hiện thành công chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng cộng đồng quốc gia thống nhất, vững mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Kết quả đạt được của việc thực hiện nguyên tắc và chiến lược này là rất to lớn và sâu sắc, đã góp phần tạo thành sức mạnh và tính thống nhất của cả dân tộc cùng đứng lên làm nên Cách mạng tháng Tám năm 1945 vĩ đại, giải phóng đất nước ta thoát

khỏi ách đô hộ, thuộc địa, trở thành quốc gia độc lập, tự do. Tiếp nối mạch nguồn đó của dân tộc, từ năm 1945 đến nay, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân cả nước làm nên nhiều chiến công hiển hách, lòng lẫy năm châu, chấn động địa cầu, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, và nay vững bước tiến vào kỷ nguyên mới của dân tộc.

1. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam và sức mạnh tinh thần làm nên Cách mạng tháng Tám 1945

Lý luận về dân tộc, nhất là quan hệ của các tộc người với cộng đồng quốc gia cũng như thực hiện chính sách dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng và Nhà nước được dựa trên những quan điểm lý luận và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và thực tiễn của các tộc người ở nước ta cùng chung vận mệnh xây dựng - bảo vệ Tổ quốc, đồng thời tiếp thu có chọn lọc những vấn đề lý luận, thực tiễn và bài học kinh nghiệm phù hợp của thế giới.

Dân tộc, đoàn kết các dân tộc và giải phóng các dân tộc bị áp bức là một trong những vấn đề then chốt của cách mạng vô sản. Chính vì vậy, các nhà sáng lập của chủ nghĩa Mác - Lê nin như Các Mác, Ăng ghen và sau đó là Lê nin đã rất quan tâm và đề ra nhiều quan điểm, nguyên tắc cả về lý

*PGS.TS. Viện Dân tộc học và Tôn giáo học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

luận lần thực tiễn trong quá trình nhận diện, giải quyết các vấn đề dân tộc, đoàn kết dân tộc, cách mạng dân tộc ở từng quốc gia và khu vực nói riêng, phong trào cách mạng vô sản trên toàn thế giới nói chung. Những ấn phẩm kinh điển của các ông cho thấy, trong lịch sử phát triển của chủ nghĩa Mác - Lênin, lý luận về dân tộc, đoàn kết các dân tộc và cách mạng dân tộc đã được coi trọng. Những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin được đánh giá là các luận điểm mang tính khái quát về dân tộc và đề ra các nguyên lý cơ bản quan trọng về cách mạng dân tộc. Trong hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin đã đặt vấn đề dân tộc, đoàn kết dân tộc thành một bộ phận của đường lối và chiến lược đấu tranh giải phóng con người, giải phóng dân tộc và giải phóng thuộc địa (1).

Trong lịch sử nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam ngay từ khi mới thành lập đã nghiên cứu và vận dụng sáng tạo những lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin nói riêng và của thế giới nói chung về dân tộc và đoàn kết dân tộc một cách phù hợp vào thực tiễn của Việt Nam. Kết quả đã đạt được những thành tựu quan trọng góp phần thực hiện chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, giành độc lập dân tộc và xây dựng - bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. Việc nghiên cứu và vận dụng có chọn lọc, sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn của thế giới vào điều kiện Việt Nam của Đảng ta đã đạt được nhiều thành công trong việc làm rõ quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam, trên cơ sở đó xây dựng và củng cố tinh thần đoàn kết toàn dân tộc để thực hiện cuộc Cách mạng tháng Tám giải phóng dân tộc do Đảng ta lãnh đạo không chỉ đánh đổ chế độ thực dân phong kiến áp bức, bóc lột các tộc người trong xã hội, mà còn giải phóng tình trạng người bóc lột người trong nội bộ từng tộc người và giữa các tộc người trong

quốc gia đa dân tộc, xây dựng cộng đồng quốc gia Việt Nam thống nhất của chung các tộc người, trong đó mọi người dân ở bất kỳ tộc người nào đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ, đoàn kết, tôn trọng, tin cậy và giúp đỡ nhau cùng phát triển; giải quyết hài hòa quan hệ giữa các tộc người, các nhóm xã hội, bộ phận dân cư; mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ, định kiến dân tộc, địa phương, vùng miền đều bị ngăn cấm (2).

1.1. Đảng lãnh đạo nghiên cứu làm rõ quá trình hình thành và phát triển dân tộc Việt Nam làm cơ sở nền tảng tinh thần xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo thành sức mạnh tổng hợp thực hiện thành công Cách mạng tháng Tám đưa nước ta thành quốc gia độc lập, tự do

Xác định đúng đắn quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam là một trong những vấn đề lớn có ý nghĩa khoa học và thực tiễn quan trọng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, nhất là của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo. Vấn đề này diễn ra trong suốt chiều dài lịch sử Việt Nam, có lúc lên cao trào và có thời kỳ lắng lại, nhưng vẫn liên tục tiếp diễn theo mạch nguồn dân tộc Việt Nam hình thành từ bao giờ và tại sao dân tộc Việt Nam vẫn trường tồn qua bao thăng trầm của lịch sử? Qua những nghiên cứu và các cuộc thảo luận từ trước đến nay, nhất là trong thời kỳ cận hiện đại cho thấy, có một số quan điểm lý luận khác nhau về thời điểm hình thành và quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, phổ biến và chính thống là đồng tình với luận điểm rất quan trọng của Các Mác (3) cho rằng, có nhiều loại hình dân tộc từng tồn tại và có dân tộc hình thành trước tư bản chủ nghĩa, khi các bộ lạc liên minh lại để hình thành những cộng đồng tộc người có quy mô dân số lớn và cư trú trên địa bàn rộng - cùng với đó là nhà nước xuất hiện, để nghiên cứu về quá trình

hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam. Dựa trên quan điểm này, nhiều nhà khoa học ở trong và ngoài nước đều thống nhất cho rằng, do những đặc thù lịch sử của Việt Nam, nên dân tộc - quốc gia Việt Nam đã hình thành từ rất sớm, mà theo Hà Văn Tấn (4) là vào thời đại Hùng Vương, khi 15 bộ lạc liên minh lại và nhà nước đầu tiên ở nước ta đã xuất hiện tương ứng với giai đoạn Văn hóa Đông Sơn phát triển rất rực rỡ. Điều đó cho thấy, ngay từ thời Hùng Vương ở nước ta tộc người Việt và có thể một số tộc người khác thuộc khối Bách Việt đã hình thành nên một cộng đồng người tương đối ổn định, có một sự thống nhất về lãnh thổ, ngôn ngữ, kinh tế và chính trị - có nhà nước và bộ máy chính quyền quản trị các địa phương, tất nhiên còn ở một mức độ thấp - sơ khai. Trong quá trình phát triển, dân tộc - quốc gia Việt Nam dần phát triển thành cộng đồng quốc gia thống nhất của 54 tộc người hiện nay.

Tương đồng với quan điểm này, Phan Huy Lê (5) cũng cho rằng, ở Việt Nam và một số nước khác, dân tộc - quốc gia hình thành sớm trước chủ nghĩa tư bản là do những điều kiện tự nhiên và hoàn cảnh lịch sử của những nước này có khác với đặc điểm của chế độ chiếm hữu nô lệ và chế độ phong kiến của nhiều nước phương Tây. Những điểm đặc biệt đó, theo ông trước hết là: 1) Do sự tiến triển của các hình thái kinh tế - xã hội tiền tư bản, mà ở Việt Nam là "hình thái Á châu" nên nước ta không trải qua thời kỳ phát triển của chế độ chiếm hữu nô lệ, đồng thời chế độ phong kiến cũng có nhiều điểm khác với chế độ phong kiến phương Tây; 2) Do yêu cầu khách quan phải cố kết thành cộng đồng thống nhất và có sự lãnh đạo của một nhà nước trung ương đủ mạnh để thực hiện cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ đất nước trong những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của lịch sử Việt Nam, gồm: yêu cầu

của cuộc đấu tranh chinh phục thiên nhiên để phát triển nông nghiệp trồng lúa (nhất là xây dựng đê điều) và yêu cầu chống giặc ngoại xâm để bảo vệ nền độc lập dân tộc (6). Quan điểm này cũng được nhiều nhà khoa học nước ngoài quan tâm nghiên cứu Việt Nam ủng hộ và nhấn mạnh đến tính thống nhất lâu đời của lịch sử dân tộc Việt Nam trên nhiều phương diện về địa lý, chính trị, xã hội, văn hóa, như Pierre-Richard Fe'ray cho rằng: từ khá sớm Việt Nam đã là một dân tộc (nation) xét trên cả hai tiêu chuẩn: dân tộc - nhà nước (nation-état) và dân tộc - nhân dân (nation - peuple) (7).

Như vậy, có thể thấy, nghiên cứu vận dụng sáng tạo có chọn lọc lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin và thực tiễn thế giới cũng như của đất nước ta, hầu hết các nghiên cứu ở trong và ngoài nước, đều tán thành quan điểm dân tộc - quốc gia Việt Nam hình thành sớm. Dân tộc Việt Nam ta hình thành không phải do yêu cầu phát triển của chủ nghĩa tư bản, mà là do những yêu cầu khách quan và bức thiết của sự nghiệp dựng nước và giữ nước trong những điều kiện thiên nhiên khắc nghiệt và hoàn cảnh lịch sử luôn phải chống giặc ngoại xâm. Vì vậy, quá trình dựng nước và giữ nước cũng đồng thời là quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam (8). Đồng thời Phan Huy Lê (9) cũng khẳng định: Sự hình thành sớm của dân tộc Việt Nam với nội dung xác định trên là một đặc điểm rất quan trọng của lịch sử Việt Nam. Nó góp phần tạo nên sự cố kết dân tộc, thúc đẩy sự phát triển của chủ nghĩa yêu nước, của tinh thần đoàn kết dân tộc, của nền văn hóa dân tộc. Nó cốt nghĩa vì sao một nước nhỏ như Đại Việt thời Lý, Trần, Lê mà có đủ sức mạnh vật chất và tinh thần để tồn tại một cách vững vàng, để đánh

thắng nhiều đạo quân xâm lược của những đế chế lớn mạnh, kể cả đế chế Mông - Nguyên hồi thế kỷ XIII.

Thực tế đã chứng minh, quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam từ thời các vua Hùng dựng nước chính là cơ sở nền tảng tinh thần quan trọng để xây dựng và ngày càng được củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, có giá trị phát huy sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc Việt Nam vượt qua những thăng trầm của lịch sử, nhất là vẫn trường tồn qua một nghìn năm Bắc thuộc, đánh thắng các đạo quân xâm lược để bảo vệ đất nước, đồng thời xây dựng Tổ quốc chung cho người dân thuộc mọi thành phần dân tộc. Đặc biệt, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chỉ sau 15 năm thành lập đã huy động được sức mạnh của nhân dân các tộc người đồng lòng đứng lên theo Đảng làm nên Cách mạng tháng Tám thành công giải phóng đất nước khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân phong kiến, trở thành nước tự do, độc lập; các tộc người trong cộng đồng dân tộc Việt Nam thoát khỏi ách áp bức, bóc lột.

1.2. Đảng đã nghiên cứu và vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê nin và lãnh đạo nhân dân thực hiện Cách mạng tháng Tám thành công giải phóng dân tộc Việt Nam thoát khỏi ách thuộc địa, nô lệ

Trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Các Mác và Ăng ghen không chỉ làm rõ những quan điểm về điều kiện lịch sử để hình thành dân tộc, mà còn chỉ ra rằng chính chủ nghĩa đế quốc là kẻ tổ chức và đại biểu cho chế độ áp bức dân tộc, chia rẽ gây mâu thuẫn dân tộc để cai trị và bóc lột dã man các dân tộc, không chỉ ở những nước thuộc địa mà cả ngay trong “chính quốc”. Chính vì vậy, cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận không thể tách rời của đấu tranh giai cấp nhằm thủ tiêu chế độ bóc lột và sự xâm lược, cai trị của chủ

nghĩa đế quốc đối với con người và các dân tộc. Trên cơ sở đó, Các Mác và Ăng ghen đã viết: “Hãy xóa nạn người bóc lột người, thì nạn dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ”; “Sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì đồng thời sự xung đột giữa các dân tộc cũng mất theo” (10). Sau đó, Ăng ghen đã đúc kết “Những dân tộc đi áp bức dân tộc khác cũng là những dân tộc không có tự do”. Các Mác cũng chỉ rõ, chủng tộc, tôn giáo và dân tộc là những vấn đề khác nhau, do đó ông kiên quyết bác bỏ những ý đồ định xem xét về dân tộc da đen, dân tộc da trắng, dân tộc da vàng, dân tộc Hồi giáo... của chủ nghĩa đế quốc nhằm phục vụ cho mưu đồ gây chiến tranh, xâm lược, chia để trị và bóc lột các dân tộc ở những khu vực khác nhau trên thế giới.

Trong hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lê nin cho thấy, vấn đề dân tộc và cách mạng dân tộc được coi là một bộ phận đường lối của giai cấp vô sản. Việc giải quyết đúng đắn vấn đề quan trọng và mối quan hệ phức tạp, biện chứng này sẽ tạo ra một tiềm năng và động lực to lớn để thực hiện sự nghiệp cách mạng chung của dân tộc. Một trong những thành công to lớn nhất của Đảng ta là đã nghiên cứu và vận dụng đúng đắn, sáng tạo các nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lê nin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam, đó là: cuộc cách mạng ở nước ta do giai cấp công nhân lãnh đạo mà Đảng Cộng sản là đội quân tiên phong không chỉ giải phóng sự cai trị, áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản đế quốc đối với dân tộc Việt Nam, mà còn là giải phóng tình trạng người bóc lột người trong nội bộ từng tộc người và giữa các tộc người ở trong nước. Để thực hiện được điều đó, mục tiêu của cách mạng dân tộc ở nước ta là để xây dựng được một nhà nước thống nhất của

các tộc người cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam, các tộc người đều bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ, đoàn kết, tôn trọng, tin cậy và giúp đỡ nhau cùng phát triển trong cộng đồng quốc gia Việt Nam đa tộc người.

Có thể nói, đây chính là sự nghiên cứu và vận dụng đúng đắn, sáng tạo tư tưởng và các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn thế giới phù hợp với điều kiện Việt Nam của Đảng và Nhà nước ta. Bởi vì, cách mạng Việt Nam nói chung và cách mạng giải phóng dân tộc nói riêng do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã thành công khi đất nước đang bị chủ nghĩa đế quốc đô hộ, áp đặt chế độ cai trị nửa thực dân phong kiến. Trong bối cảnh đó, về cơ bản chỉ có tộc người Việt và tộc người Hoa là đang trong thời kỳ phong kiến và có yếu tố kinh tế tư bản chủ nghĩa; một số tộc người khác như Khơ-me (Khmer), Chăm... đang ở giai đoạn phong kiến; một số tộc người như Thái, Tày, Hmông (Mông), Ê-đê, Gia-rai... ở giai đoạn tiền phong kiến hay giai đoạn sớm của chế độ phong kiến; còn đại bộ phận các tộc người khác, nhất là những cư dân ở vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới đều đang ở giai đoạn thị tộc tan rã để hình thành các liên minh bộ lạc. Điều này cho thấy, nếu không giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc dựa trên lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và thực tiễn của thế giới vào điều kiện Việt Nam thì Đảng ta không thể lãnh đạo các tộc người đang ở trong những trình độ phát triển (hay hình thái kinh tế - xã hội) khác nhau ở Việt Nam tạo thành khối thống nhất, đoàn kết, đồng lòng cùng đứng lên thực hiện Cách mạng tháng Tám thành công, đưa đất nước ta từ nước thuộc địa nửa phong kiến thành quốc gia độc lập, tự do; tình trạng bất bình đẳng và bóc lột giữa các

tộc người và trong nội bộ từng tộc người đã chấm dứt.

2. Thực hiện chính sách dân tộc nhằm phát huy sức mạnh tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc góp phần phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới hiện nay

2.1. Một số quan điểm chủ yếu về đoàn kết và thực hiện chính sách dân tộc góp phần phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong bối cảnh hiện nay

Cần tiếp tục xác định rõ đại đoàn kết toàn dân tộc là giá trị tinh thần tạo nên nền tảng sức mạnh to lớn của quốc gia Việt Nam, góp phần hình thành và phát triển của dân tộc - quốc gia Việt Nam trong lịch sử, hiện tại và tương lai. Do đó, mục tiêu, nhiệm vụ cốt lõi, xuyên suốt của chính sách dân tộc là phát triển quan hệ tốt đẹp của các tộc người với quốc gia, tăng cường ý thức quốc gia cho các tộc người và xây dựng cộng đồng quốc gia Việt Nam thống nhất, vững mạnh. Đây cũng là cơ sở quan trọng để tiếp tục thực hiện thành công chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc của Đảng ta trong kỷ nguyên mới. Trong đó, phát triển toàn diện về mọi mặt cho tất cả các tộc người, đặc biệt là quan tâm đến các tộc người, bộ phận dân cư còn ở trình độ phát triển thấp, cư trú tại những địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng chiến lược trọng yếu có tính đặc thù như biên giới và hải đảo, nhưng phải đảm bảo tăng cường xây dựng cộng đồng quốc gia Việt Nam thống nhất, vững mạnh, không để xảy ra tư tưởng phân ly, tâm lý so bì giữa các tộc người, các bộ phận dân cư, các giai tầng trong xã hội. Quá trình phát triển đó, đặc biệt là về kinh tế - xã hội cần đảm bảo bình đẳng giữa các tộc người, bộ phận dân cư trong cùng một địa bàn và trên cả nước; sự phát triển của mỗi tộc người không được tách rời với sự phát triển của những tộc người khác và với

cộng đồng quốc gia. Vì vậy, chính sách dân tộc không nên chú trọng vào từng tộc người hay một số tộc người và nhóm dân cư riêng lẻ ở các địa phương, mà cần thực hiện một cách tổng thể, toàn diện, đồng bộ và triệt để trên cả nước, trong đó tất cả người dân có cùng điều kiện và trình độ phát triển đều được tham gia và hưởng lợi như nhau. Đồng thời các vùng biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn cần có sự ưu tiên hơn một cách phù hợp. Làm như vậy, sẽ tránh tình trạng nảy sinh tâm lý so bì, tư tưởng phân ly trong nội bộ tộc người, giữa các tộc người, bộ phận dân cư, các nhóm xã hội với nhau.

Để góp phần xây dựng và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, việc thực hiện chính sách dân tộc cần thay đổi quan điểm chủ yếu là hỗ trợ - cho không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu trước mắt cho người dân đang gặp khó khăn; loại bỏ triệt để những định kiến không đúng về các tộc người thiểu số và vùng dân tộc thiểu số để tập trung khai thác có hiệu quả tối đa những tiềm năng, thế mạnh, phát huy nội lực của đồng bào để xây dựng cơ sở vững chắc về vật chất và tinh thần cho các tộc người chủ động tham gia thực chất và hưởng lợi trong quá trình Đổi mới đất nước và hội nhập quốc tế. Chính sách dân tộc cần coi người dân (bao gồm cả các cộng đồng ở những vùng đặc biệt khó khăn và kém phát triển nhất) là các chủ thể sáng tạo, chủ thể khởi nghiệp (không chỉ đơn thuần là đối tượng nhận hỗ trợ và thụ hưởng chính sách). Vì vậy, chính sách cần kiến tạo cơ hội, tạo động lực thúc đẩy năng lực nội sinh, vai trò tự thân, chủ động sáng tạo, ý chí vươn lên vượt khó của người dân và các cộng đồng dân cư phù hợp với đặc điểm, tiềm năng và điều kiện của mình.

Xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc là chiến lược tổng thể của cả quốc gia, do đó chính sách dân tộc cần được xem xét

là một bộ phận quan trọng của hệ thống chính sách quốc gia, trong đó có một số chính sách dành riêng hoặc ưu tiên hơn cho phát triển đối với một số tộc người thiểu số hoặc vùng dân tộc thiểu số. Mục tiêu cốt lõi của chính sách dân tộc là phát triển các mối quan hệ dân tộc tốt đẹp và xây dựng cộng đồng quốc gia đa tộc người Việt Nam; việc phát triển kinh tế - xã hội cho các tộc người là giải pháp để thực hiện mục tiêu cốt lõi này. Chính sách dân tộc được thực hiện ở những địa bàn chiến lược trọng yếu của quốc gia và bộ phận dân cư có yếu tố đặc thù rất khó khăn cho phát triển (như vùng sâu, vùng biên giới và hải đảo), do đó cần tránh sự lẫn lộn, chồng chéo với các chính sách chung cho các vùng dân tộc thiểu số (vì thực tế ở nhiều nơi được xác định là vùng dân tộc thiểu số nhưng dân cư chủ yếu lại là người Kinh). Đồng thời xây dựng được cơ chế đầu tư, hỗ trợ mạnh mẽ, tập trung, lâu dài thì mới đạt hiệu quả cao. Theo đó, chính sách dân tộc cần tập trung vào mục tiêu và nhiệm vụ cốt lõi là tăng cường ý thức quốc gia, văn hóa quốc gia, ngôn ngữ quốc gia, biểu tượng quốc gia, thiết chế quản trị quốc gia, hệ thống y tế, giáo dục, truyền thông và pháp lý quốc gia... cho các tộc người và phát triển quan hệ của các tộc người với quốc gia, nhất là những dân tộc thiểu số hội nhập vào cộng đồng quốc gia Việt Nam muện, cư trú dọc biên giới và có nguồn gốc cũng như còn giữ quan hệ chặt chẽ với đồng tộc và tộc người khác ở phía bên kia biên giới, góp phần xây dựng cộng đồng quốc gia Việt Nam thống nhất. Đồng thời, dành riêng sự hỗ trợ thỏa đáng cho người dân sinh sống ở những vùng đặc biệt khó khăn còn ở trình độ phát triển thấp, vùng biên giới và hải đảo cần sự đầu tư một số nguồn lực cần thiết để phát triển nhanh hơn, bền vững hơn cùng đất nước trong quá

trình đổi mới; và để làm phen dậu bảo vệ biên giới, lãnh thổ quốc gia.

Để thực hiện thành công chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc cần thu hút, huy động mọi nguồn lực của đất nước và quốc tế, sự chủ động tham gia của cả hệ thống chính trị và người dân ở trong nước cùng chung sức, đồng lòng phụng sự quê hương, đất nước. Đặc biệt chú ý đến việc phát huy tiềm năng, thế mạnh của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và cộng đồng người nước ngoài ở Việt Nam, sự ủng hộ của bạn bè quốc tế.

Để phát huy giá trị và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc cần tăng cường thông tin tuyên truyền về tình hình dân tộc, thực hiện chính sách dân tộc và trao quyền để người dân, các cộng đồng dân cư thực sự được biết, được bàn, được tham gia thực hiện, được kiểm tra giám sát, được thụ hưởng và tiếp tục duy trì những thành quả của chính sách dân tộc đã đạt được.

2.2. Một số nội dung trọng tâm trong thực hiện chính sách dân tộc

Đẩy mạnh phát triển chất lượng giáo dục, đào tạo và nguồn nhân lực gắn với nhiệm vụ xây dựng hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, hiệu năng. Đồng thời giải quyết tình trạng tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, lãng phí, công kênh nhiều tầng nấc... của hệ thống chính trị để củng cố niềm tin của nhân dân, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Tăng cường phát triển các mối quan hệ dân tộc truyền thống tốt đẹp, nhất là mối quan hệ chiến lược giữa người dân các tộc người với nhau và với cộng đồng quốc gia Việt Nam thông qua hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ các cấp cũng như thực hiện hệ thống chính sách và pháp luật quốc gia dưới sự lãnh đạo của Đảng. Tập trung xây

dựng, củng cố những nhân tố gắn bó các tộc người với nhau và với Tổ quốc, vun đắp lòng tự hào dân tộc và chủ nghĩa yêu nước chân chính cho người Việt Nam ở trong và ngoài nước. Củng cố và tăng cường quản lý các mối quan hệ dân tộc tốt đẹp ở vùng biên giới, liên biên giới và xuyên quốc gia, nhất là quan hệ của các tộc người ở vùng biên cương với quốc gia Việt Nam, đảm bảo người dân đồng lòng đi theo Đảng, hướng về Tổ quốc Việt Nam.

Tiếp tục chú ý bảo tồn, phát huy có hiệu quả các giá trị văn hóa của từng tộc người, song cần tập trung sâu sắc và hiệu quả hơn vào mục tiêu phát triển những giá trị chung của văn hóa quốc gia, biểu tượng quốc gia, ngôn ngữ quốc gia, thiết chế quản trị quốc gia... để góp phần tăng cường ý thức quốc gia - ý thức công dân, ý thức về chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam. Đặc biệt chú ý tăng cường phát triển văn hóa quốc gia và ý thức quốc gia Việt Nam cho các tộc người thiểu số ở vùng biên giới, nhất là các tộc người có nguồn gốc từ bên kia biên giới và hội nhập vào cộng đồng quốc gia Việt Nam muện, để mọi người dân các tộc người đồng lòng đi theo Đảng, tin vào cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo.

Gắn kết hài hòa và hiệu quả hơn nữa giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với quản trị và phát triển xã hội, bảo đảm an ninh con người, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc cũng như bảo vệ môi trường sống gắn với giữ vững chính trị và bảo đảm quốc phòng - an ninh quốc gia. Hạn chế dần sự bất bình đẳng trong phát triển và phân hóa xã hội, nhất là khoảng cách giàu nghèo giữa các tộc người, vùng miền, địa phương, bộ phận dân cư, nhóm xã hội ở trong nước với nhau, cũng như với đồng tộc, đồng đạo và tộc người khác ở bên kia biên giới. Quan trọng nhất đảm bảo cho người dân có việc làm, thu nhập đủ để

sinh sống tốt đẹp ngay trên chính quê hương và trong cộng đồng của mình.

Tăng cường quản lý dân cư, phát triển dân số để xây dựng các cộng đồng ổn định ở vùng dân tộc thiểu số, nhất là tập trung xây dựng hành lang dân cư biên giới vững mạnh gắn liền với tăng cường quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và củng cố biên giới lòng dân, đồng thời giảm tệ nạn xã hội và tội phạm, tăng cường đồng thuận xã hội.

Tập trung phát triển bền vững kinh tế - xã hội gắn với giữ vững chính trị và bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng dân tộc thiểu số; liên kết các vùng với nhau, nhất là các vùng nội địa với khu vực biên giới và liên biên giới, xuyên quốc gia. Trọng tâm là phát triển nguồn nhân lực, tạo ra nhiều việc làm, tăng thêm thu nhập gắn với đảm bảo an sinh xã hội, hỗ trợ pháp lý... để người dân có thể yên tâm sinh sống trên quê hương của mình và góp phần xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

Quản lý và phát triển bình đẳng các tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội theo quy định của pháp luật quốc gia, phù hợp với thông lệ quốc tế, tránh tình trạng lãng phí, hình thức, cục bộ địa phương và tộc người vừa gây lãng phí, phản cảm trong xã hội, đồng thời làm suy giảm giá trị văn hóa, tín ngưỡng truyền thống của các tộc người và của quốc gia Việt Nam.

Tăng cường nghiên cứu lý luận cơ bản và tổng kết thực tiễn về thực hiện chính sách dân tộc, về phát triển các mối quan hệ dân tộc và thực hiện chiến lược xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giải quyết các vấn đề tộc người và dân tộc trong xây dựng cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam, nhất là ở vùng biên giới, liên biên giới và xuyên quốc gia. Trên cơ sở đó, xây dựng hệ thống dữ liệu khoa học có giá trị cho hoạch định và thực hiện chính sách dân tộc, xây dựng và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc Việt Nam; bảo vệ nền tảng

tư tưởng của Đảng, đấu tranh với việc phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc của các thế lực thù địch.

3. Kết luận

Đại đoàn kết toàn dân tộc có vị trí, vai trò rất quan trọng trong xây dựng, phát triển cộng đồng quốc gia đa dân tộc Việt Nam. Nếu đại đoàn kết toàn dân tộc tốt đẹp thì đất nước sẽ thống nhất, vững mạnh, ngược lại sẽ nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng dẫn đến suy yếu. Chính vì vậy, Bác Hồ đã đúc kết “*Đoàn kết, Đoàn kết, Đại đoàn kết, Thành công, Thành công, Đại thành công*”; và hiện nay, lời dạy của Người vẫn còn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn để đất nước ta tiếp tục phát huy trong kỷ nguyên mới của dân tộc.

Đoàn kết dân tộc, phát huy sức mạnh tinh thần của đại đoàn kết toàn dân tộc theo nghĩa rộng gồm các tộc người, giai tầng trong xã hội, bộ phận dân cư, tôn giáo trong một quốc gia, và người dân của quốc gia đó ở nước ngoài. Muốn đoàn kết thì phải bình đẳng, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển, và nhất là cần “tin cậy” lẫn nhau. Vì chỉ có tin cậy mới có thể đoàn kết, bình đẳng, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển. Tuy nhiên, niềm tin không tự dưng có mà cần phải được xây dựng, củng cố, vun đắp lâu dài. Trong đó, niềm tin giữa người dân các tộc người với nhau và giữa nhân dân các dân tộc với Đảng và Nhà nước thông qua hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ các cấp là yếu tố then chốt, để tạo dựng cộng đồng quốc gia - dân tộc Việt Nam thống nhất, vững mạnh; là nền tảng để mọi người dân các tộc người, giai tầng, bộ phận dân cư, nhóm xã hội, tôn giáo ở các địa phương, vùng miền trên cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài đồng lòng hướng về Đảng, Nhà nước và Tổ quốc Việt Nam. Để các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, tin cậy, giúp đỡ nhau cùng phát

triển, thì chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước cần tạo cơ chế cho người dân các tộc người, các giai tầng, các bộ phận dân cư, các nhóm xã hội, các tôn giáo, các địa phương và vùng miền đều có cơ hội, điều kiện phát triển công bằng, bình đẳng, nhất là về lợi ích kinh tế, quyền tham chính, không gian sinh tồn...; để mọi người dân có thể phát triển một cách bền vững, sống tốt đẹp ngay trên chính quê hương và trong cộng đồng của mình.

Sau 80 năm thực hiện thành công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, đất nước ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đạt được nhiều thành tựu to lớn trong sự nghiệp phát triển đất nước nói chung cũng như xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc nói riêng. Để tăng cường và phát huy giá trị đoàn kết của toàn dân tộc trong bối cảnh hiện nay, Đảng và Nhà nước cần thực hiện hệ thống chính sách, pháp luật dựa trên thực tiễn đất nước và tình hình quốc tế; phá bỏ triệt để những định kiến còn sót lại về các tộc người thiểu số, vùng dân tộc thiểu số, tôn giáo, giai tầng, nhóm dân cư, địa phương, vùng miền... trong xã hội; tạo cơ chế để

người dân được biết đầy đủ, tham gia thực chất và phản biện hiệu quả chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Đảng và Nhà nước cũng như toàn bộ hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ các cấp cần tiếp tục chủ động đến với nhân dân, lắng nghe và đồng cảm với người dân; đồng thời tăng cường vai trò, vị thế, hình ảnh của Đảng và Nhà nước đối với người dân các tộc người ở mọi địa phương, nhất là vùng sâu, vùng biên giới, hải đảo thông qua hoạt động hiệu quả, hiệu lực, hiệu năng của hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ địa phương nói chung và thực hiện chính sách, pháp luật quốc gia nói riêng. Đội ngũ cán bộ đến với người dân trong tâm thế là con em của các dân tộc, hòa cùng nhân dân, không tạo ra sự khác biệt/cách biệt với nhân dân, càng không phải là “quan cách mạng”. Chỉ có như vậy, mới thực hiện thành công chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần xây dựng cộng đồng quốc gia Việt Nam thống nhất, vững mạnh, là cơ sở nền tảng vững chắc cho đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển hùng cường, hạnh phúc và thịnh vượng của dân tộc.

CHÚ THÍCH

(1), (10). Các Mác - Ph. Ăng ghen, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1974.

(2). - Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.

- Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.

- *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung mới)*, Nxb. Hồng Đức.

(3). Các Mác, *Những hình thức có trước sản xuất tư bản chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1976.

(4). Hà Văn Tấn, “Về khái niệm “dân tộc” (Nation) của Mác và Ăng-ghen và sự hình thành dân tộc Việt”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 2-1980, tr. 11-16.

(5), (8). Phan Huy Lê, “Nhìn lại cuộc thảo luận vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 1-1981, tr. 6-15.

(6), (9). Phan Huy Lê, “Quá trình hình thành và phát triển của dân tộc Việt Nam”, Tạp chí *Dân tộc học*, số 2-1982, tr. 9-20.

(7). Pierre-Richard Fe'ray, *Le Viet Nam au XX^e siecle*, Paris, 1979. Dẫn theo Phan Huy Lê, *Nhìn lại cuộc thảo luận vấn đề hình thành dân tộc Việt Nam*, Tạp chí *Dân tộc học*, số 1-1981, tr.8.